

NÔNG NGHIỆP DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI - THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM

PGS, TS TRƯƠNG MINH DỤC*

Nông nghiệp có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, là một trong hai ngành kinh tế sản xuất ra của cải vật chất và được coi là cơ sở để ổn định và phát triển đất nước. Vùng đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ (DHNTB) gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, là vùng có tiềm năng để phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa đa dạng. Nông dân miền Trung có truyền thống cần cù, sáng tạo, bền bỉ trong lao động sản xuất, kiên cường trong chống giặc ngoại xâm và lập nên những chiến công vang dội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, các tỉnh DHNTB ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục phát triển nông nghiệp, tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH.

Trong thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp các tỉnh DHNTB đang từng bước phát triển từ một nền nông nghiệp độc canh, tự cung, tự cấp sang nền nông nghiệp đa canh, sản xuất hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn và tạo tiền đề cho sự nghiệp CNH, HĐH.

I. Những thành tựu tổng quát

Dựa vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn và quá

trình thực hiện các mục tiêu chương trình đặt ra, dựa vào tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, quá trình phát triển nông nghiệp các tỉnh DHNTB trong những năm đổi mới được chia thành 2 giai đoạn: 1986 - 1995 và 1996 - 2002.

1. Giai đoạn 1986 - 1995

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đại hội VI, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, NQTU 2, 3 (Khóa VI), nông nghiệp các tỉnh DHNTB có sự chuyển biến rõ rệt. Từ một nền nông nghiệp độc canh lương thực đã bắt đầu chuyển sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Trồng trọt, chăn nuôi phát triển, diện tích, năng suất, sản lượng lương thực, thực phẩm đều tăng, từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong khu vực và xuất khẩu. Cơ chế quản lý được đổi mới, quan hệ sản xuất ở nông thôn được điều chỉnh phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất nên đã giải phóng được sức sản xuất, khơi dậy các nguồn lực, tiềm năng trong xã hội, làm thay đổi đáng kể tình hình sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Thời kỳ 1986 - 1995, nông nghiệp các tỉnh DHNTB đã đạt được những thành tựu sau:

- Bước đầu vươn lên tự túc được lương thực và một số tỉnh đã có dự trữ. Từ năm 1988 về trước, hầu hết các tỉnh DHNTB đều thiếu lương thực từ 2 - 3 tháng trong năm nên một số tỉnh phải cứu đói như Quảng Nam, Quảng Ngãi.

* Phân viện Đà Nẵng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Đến năm 1990, các tỉnh đều tự túc được lương thực, một số tỉnh đã có dự trữ như Phú Yên, Bình Định.

Những năm 1990 - 1995, diện tích cây lương thực ở các tỉnh DHNTB hầu hết các tỉnh đều giảm, nhưng nhờ đầu tư thâm canh nên sản lượng lương thực tăng. Năm 1990 sản lượng lương thực qui thóc đạt 1.573.500 tấn, đến năm 1995 tăng lên 1.600.900 tấn; năng suất lúa tăng từ 29,6 tạ/ha lên hơn 33 tạ/ha¹.

- *Nông nghiệp các tỉnh DHNTB bước đầu có sự chuyển dịch cơ cấu và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.* Do chính sách khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, kinh tế hộ gia đình nên ngành chăn nuôi phát triển, nhất là nuôi trồng thủy sản, tăng cả diện tích nuôi trồng, sản lượng và giá trị. Từ năm 1990 đến 1995, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng từ 8400ha lên hơn 13.000ha, sản lượng từ 747 tấn lên 20.945 tấn, giá trị tổng sản lượng từ 133,7 tỉ đồng lên 278,5 tỉ đồng².

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng được xây dựng như thủy lợi, thủy điện, giao thông nông thôn.* Các nguồn lực trong dân được huy động để khai thác tài nguyên trong nông, lâm, ngư nghiệp có hiệu quả hơn. Đời sống của nhân dân ổn định.

Tuy nhiên ở giai đoạn này nông nghiệp các tỉnh DHNTB còn những hạn chế nhất định. Sản lượng tăng, còn chất lượng, hiệu quả chưa được chú trọng.

- Phân công lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa phát triển, cơ cấu chuyển dịch chậm. Sản xuất còn phụ thuộc chủ yếu vào tự nhiên, năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả chưa cao.

- Có khoảng 60% số hộ gia đình thiếu vốn để đầu tư sản xuất hàng hóa. Một bộ phận sản xuất kinh doanh tự phát theo sự biến động của

thị trường, không theo định hướng, quy hoạch của Nhà nước.

- Đa số các ban quản lý HTX lúng túng, khó khăn trong thực hiện chức năng dịch vụ cho sản xuất và tham gia làm tốt các chính sách xã hội ở nông thôn.

- Tình trạng khoán trắng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi trong thời gian dài mà không được kiểm tra, xử lý.

- Tình trạng tranh chấp ruộng đất làm cho tình hình kinh tế - xã hội thêm căng thẳng, phức tạp.

- Cơ chế quản lý mới hình thành chưa đồng bộ, thiếu nhiều luật lệ, chính sách bảo đảm cho sản xuất kinh doanh phát triển đúng hướng. Sự chỉ đạo sản xuất nông nghiệp còn non yếu.

2. Giai đoạn 1996 - 2002

Đại hội VIII của Đảng chỉ rõ phải tập trung sức cho CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn (NNNT); NQ 06 của Bộ chính trị ngày 10 - 11 - 1998 về đẩy mạnh thực hiện CNH, HĐH NNNT; Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định: CNH, HĐH NNNT vẫn là mục tiêu quan trọng trong nhiều năm tới. HNTƯ 5 (Khóa IX) đã cụ thể hóa đường lối của Đại hội IX về đẩy nhanh CNH, HĐH NNNT thời kỳ 2001 - 2010. Đó là những nghị quyết thể hiện đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng ta trong tình hình mới, là cơ sở quan trọng để các tỉnh DHNTB vận dụng vào điều kiện cụ thể của khu vực, phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất lớn.

- *Sản xuất nông nghiệp các tỉnh DHNTB có sự chuyển biến đáng kể, nhiều chỉ tiêu tăng khá so với trước.*

Giá trị sản xuất nông nghiệp của các tỉnh DHNTB đã tăng từ 6.652,6 tỉ đồng năm 1995 lên 8.163,2 tỉ đồng năm 2003³. Mặc dù 2 năm 1999 - 2000 các tỉnh DHNTB bị thiên tai, lũ lụt

gây thiệt hại và khó khăn cho sản xuất nông nghiệp nhưng giá trị sản xuất vẫn tăng.

Trong trồng trọt, diện tích cây lương thực tăng không nhiều, nhưng sản lượng lương thực lại tăng từ 1.895.120 tấn năm 1995 lên 2.410.300 tấn năm 2001. Sản lượng lương thực tăng chủ yếu do thâm canh, tăng năng suất. Năng suất lúa bình quân tăng từ hơn 33 tạ/ha năm 1995 lên 41,6 tạ/ha năm 2001.

Một số cây như ngô, mía, lạc, đậu tương, cói, thuốc lá diện tích và sản lượng tăng khá trong giai đoạn này.

Ngành chăn nuôi, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8% và chiếm 20% giá trị sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi lợn, gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản... đều tăng mạnh. Riêng diện tích nuôi trồng thủy sản của các tỉnh DHNTB đã từ hơn 13.000 ha năm 1995 lên 19.061,6 ha năm 2001, sản lượng tăng lên 319.529 tấn⁴.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng được tăng cường, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng với hệ thống hồ, đập, kênh, mương từng bước được bê tông hóa nhằm nâng cao năng lực chủ động tưới tiêu như: Đồng Nghệ, Việt An, Phú Ninh (Quảng Nam); Thuận Ninh, Mỹ Bình, Định Bình, Hồ Núi Một (Bình Định); Đồng Cam, Đồng Tròn, Phú Xuân (Phú Yên); Cam Ranh Thượng, Hồ Đất Lành (Khánh Hòa)⁵. Ngoài ra còn nhiều công trình thủy lợi vừa và nhỏ được các tỉnh xây dựng bằng ngân sách địa phương.

Đến nay tỉnh Bình Định đã xây dựng 143 hồ chứa nước với dung tích 285 triệu m³, cùng với các đập dâng, trạm bơm bảo đảm tưới 120.000 ha gieo trồng, trong đó có 80.000 ha được tưới bằng các công trình kiên cố, chiếm 50% diện tích trồng cây hàng năm.

Tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng được 340 công trình thủy lợi lớn nhỏ. Trong đó có 109 hồ

chứa nước, 168 đập dâng, 63 trạm bơm điện. Tổng diện tích tưới thực tế bằng công trình kiên cố 43.942 ha. Đặc biệt công trình thủy lợi Thạch Nham, hồ chứa Núi Ngang là những công trình trọng điểm, phát huy tác dụng rất lớn đối với sản xuất và đời sống nông thôn⁶.

Tỉnh Quảng Nam đã xây dựng 65 hồ chứa nước nhỏ sức chứa gần 500 triệu m³, 154 trạm bơm điện tổng công suất 250.000m³/giờ, 250 đập dâng, 207 cống tiêu và ngăn mặn, 184 km đê ngăn mặn, 2237 km kênh mương các loại, 26km kè bảo vệ bờ chống xói lở. Đã có 75% diện tích lúa nước được tưới chủ động⁷.

Về điện, đến cuối năm 2001, các tỉnh DHNTB đã có 125/129, chiếm 97% số huyện, 2422/2734 chiếm 88,6% số xã, phường, thị trấn và 2.697.805/3.214.750, chiếm 83% số hộ dân được sử dụng điện⁸.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn từng bước chuyển dịch theo hướng CNH. Tỷ trọng GDP và lao động trong nông nghiệp giảm, tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng. Trong nông nghiệp, ngành thủy sản phát triển mạnh, cơ cấu cây trồng, vật nuôi bước đầu chuyển đổi phù hợp với nhu cầu thị trường. Các tỉnh, huyện đã tiến hành quy hoạch, phân vùng chuyên canh, thâm canh, một số nơi thâm canh gắn với phát triển tổng hợp. Đã hình thành một số vùng chuyên canh lúa cao sản như Đại Lộc, Điện Bàn (Quảng Nam), An Nhơn (Bình Định), Tuy Hòa (Phú Yên); cây mía ở Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa; cây điều ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; cây dừa ở Bình Định, Khánh Hòa; cây quế ở Quảng Nam, Quảng Ngãi; cây thuốc lá ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; cây đậu tương ở Bình Định, Phú Yên.

- Quan hệ sản xuất ở nông thôn dần được củng cố. Hệ thống nông, lâm trường quốc doanh sau khi sắp xếp, tổ chức lại, phần lớn đi

vào hoạt động công ích, làm nhiệm vụ trồng, chăm sóc bảo vệ vốn rừng kết hợp với khai thác lâm sản. Một phần diện tích đất đai, rừng được giao cho người lao động, hộ gia đình, địa phương khai thác, sử dụng. Nông, lâm trường chỉ làm chức năng dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật...

HTX nông nghiệp hầu hết đã chuyển đổi và thực hiện theo Luật hợp tác xã và chủ yếu làm dịch vụ nông nghiệp, kinh doanh tổng hợp. Ở Quảng Nam, đến hết năm 2002 đã có 123/130 HTX chuyển đổi⁹; ở Quảng Ngãi có 165/182 HTX chuyển đổi. Nhìn chung, các HTX làm ăn có hiệu quả hơn trước.

Kinh tế hộ, kinh tế trang trại những năm gần đây phát triển mạnh ở hầu hết các tỉnh DHNTB, một bộ phận hộ gia đình đã chuyển từ sản xuất hàng hóa giản đơn sang sản xuất hàng hóa qui mô lớn, đầu tư chiều sâu, hình thành trang trại.

Đến nay, toàn tỉnh Khánh Hòa có 849 trang trại, trong đó trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm hơn 70%¹⁰. Quảng Nam có 350 trang trại với tổng diện tích 1775ha, tổng số vốn đầu tư 24.245 triệu đồng, bình quân 79,5 triệu/trang trại, thu nhập bình quân 32,3 triệu đồng/trang trại¹¹. Ở Quảng Ngãi có 120 trang trại theo tiêu chí mới, trong đó loại hình kinh doanh tổng hợp chiếm trên 60% tổng số trang trại; qui mô chủ yếu là nhỏ, dưới 10ha/trang trại. Bình Định đến cuối năm 2001 có 980 trang trại, sử dụng 3.788 ha đất, bình quân 3,87ha/trang trại với vốn đầu tư bình quân 158,4 triệu đồng/trang trại, giải quyết việc làm cho 5.660 lao động¹².

3. Sự phát triển nông nghiệp các tỉnh DHNTB từ 1986 đến nay có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng:

- *Phân công lao động trong nông nghiệp phát triển, chăn nuôi và ngành nghề dịch vụ ở nông thôn trở thành ngành kinh tế độc lập, đặc*

biệt ngành nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản trở thành ngành mũi nhọn của các tỉnh DHNTB, thu hút lao động, giải quyết việc làm, tạo nhiều sản phẩm và tăng kim ngạch xuất khẩu, góp phần quan trọng cho quá trình CNH, HĐH. Đối với ngành trồng trọt, đã chuyển một số diện tích độc canh lương thực sang chuyên canh cây công nghiệp, cây thực phẩm, tạo tiền đề cho sản xuất hàng hóa.

- *Chuyển từ nền nông nghiệp tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, mang tính thương phẩm. So với trước đây, tỉ suất hàng hóa của nông phẩm ở các tỉnh DHNTB từ 25% năm 1990 nay tăng lên 40%, một số loại đạt tới 90-100% như mía nguyên liệu, hàng thủy sản, hạt tiêu, thuốc lá...*

- *Cơ cấu kinh tế được xây dựng và chuyển dịch tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội nên vừa khai thác được tiềm năng, lợi thế từng vùng, vừa bảo vệ tài nguyên môi trường.*

Cơ cấu ngành, vùng đã bước đầu được điều chỉnh theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường và yêu cầu của nền kinh tế mở. Ngành thủy sản đã đáp ứng yêu cầu hội nhập, trở thành ngành mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh. Sản phẩm đã xuất sang nhiều thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản...

- *Nền nông nghiệp bước đầu chuyển từ sản xuất theo chiều rộng sang sản xuất theo chiều sâu. Ngày nay, sản xuất nông nghiệp đã đi vào áp dụng kỹ thuật công nghệ, đầu tư thâm canh nên năng suất, chất lượng, hiệu quả đều tăng. Việc sử dụng các giống lúa mới làm cho năng suất tăng 20%; hàng thủy sản đạt được tiêu chuẩn quốc tế... Trong sản xuất nông nghiệp đã có sự phân công lao động và xã hội hóa cao, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực: dịch vụ khoa học công nghệ, thông tin thị trường, ngân hàng, tín dụng, môi trường sinh thái.*

- Kinh tế - xã hội nông thôn thay đổi theo hướng tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên.

Từ khi đổi mới đến nay, kinh tế - xã hội nông thôn DHNTB đã có sự thay đổi to lớn, 80-90% các chỉ tiêu "điện, đường, trường, trạm" được thực hiện ở đa số xã trong vùng, một số xã đạt 100%. Năm 1996, ở khu vực DHNTB cơ cấu lao động nông thôn như sau: nông nghiệp 80,28%, công nghiệp 7,28%, dịch vụ 12,44%. Đến năm 2000 các con số tương ứng là: 74,96%, 9,7%, 15,35%, tỉ lệ lao động nông nghiệp giảm, lao động công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn tăng.

Kinh tế phát triển, thu nhập của nông dân tăng, đời sống được cải thiện, không còn hộ đói, hộ nghèo đã giảm từ 30% năm 1995 xuống còn 15,8% năm 2000. Một số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, làm kinh tế trang trại trồng rừng, trồng quế, nuôi trồng thủy sản... thu nhập cao, giàu có. Bộ mặt nông thôn thay đổi nhiều so với trước.

Bên cạnh những thành tựu, nông nghiệp DHNTB còn *những hạn chế không nhỏ*.

- Tiềm năng nông, lâm, ngư nghiệp chưa được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Nhiều nơi đất đai sử dụng không đúng mục đích, diện tích đất hoang còn lớn, hệ thống nông, lâm trường các tỉnh DHNTB sử dụng đất kém hiệu quả, còn bỏ hoang gần 500.000ha mà không giao cho hộ gia đình hoặc địa phương quản lý, sử dụng. Do dùng nhiều hóa chất cùng với sự khai thác vô ý thức của con người đã làm cạn kiệt tài nguyên, đất đai thoái hóa, bạc màu, tàn phá môi trường làm mất cân bằng sinh thái.

- Cơ cấu kinh tế NNNT chuyển dịch chậm. Nhiều địa phương chậm xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm địa phương và cơ chế thị trường. Có địa phương thực hiện máy móc theo mô hình cơ cấu đã xác định, trong khi những điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã thay đổi.

- Chất lượng nông sản thấp, hiệu quả không cao, khó cạnh tranh. Hiện nay nông nghiệp các tỉnh DHNTB mới bắt đầu chuyển sang đầu tư thâm canh trên một đơn vị diện tích, tuy nhiên chưa phổ biến, nhiều nơi vẫn chủ yếu trồng cây lương thực với kỹ thuật truyền thống nên năng suất thấp so với bình quân cả nước.

- Một bộ phận HTX hoạt động kém hiệu quả. Ở các tỉnh DHNTB còn khoảng 15-20% số HTX khó khăn, lúng túng trong kinh doanh. Một số HTX chưa giải quyết được nợ tồn đọng, khó khăn trong vay vốn kinh doanh. Việc tổ chức quản lý còn lỏng lẻo. Một số HTX tồn tại chỉ là hình thức.

- Vùng núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, một bộ phận nông dân còn nghèo, kết cấu hạ tầng thấp kém. Đến năm 2000, số hộ nghèo ở nông thôn chiếm 15,8%, trong đó phần lớn tập trung ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

(Còn nữa)

1, 2. *Niên giám Thống kê 1996*, NXB Thống kê, H, 1997, tr.32, 108, 105, 102-103

3, 4. *Niên giám Thống kê 2001*, NXB Thống kê, H, 2002, tr.75

5. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, "Báo cáo tóm tắt về việc thực hiện các chương trình phát triển nông, lâm nghiệp, về thủy lợi và gắn với phòng chống thiên tai ở các tỉnh DHNTB và kế hoạch tới năm 2000", tháng 6 - 1997

6. Báo cáo của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ngãi

7. Báo cáo của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam

8. *Thời báo kinh tế Việt Nam*, số 22, ngày 20 - 2 - 2002, tr.5

9, 10. *Báo Nhân dân*, ngày 9 - 1 - 2003, tr. 2, 2

11. Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện NQTƯ 5 (Khóa IX)

12. Báo cáo của Tỉnh ủy Bình Định.